

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp

Ngày 31/03/2025	15,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	28.5%	-7.1%

DT thuần Q1/25
94.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼48.2 -33.7%
YoY: ▼13.2 -12.2%

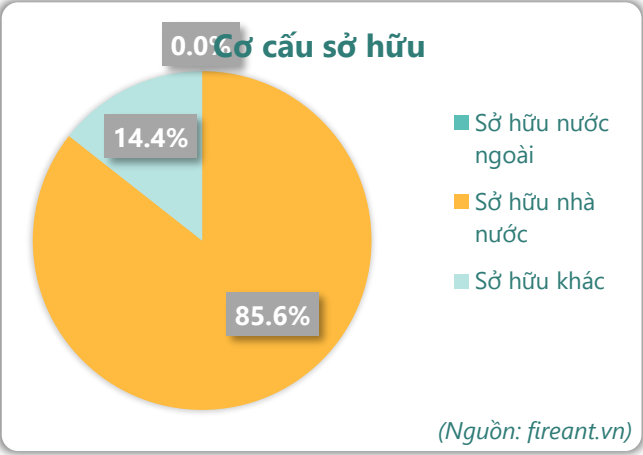
LN thuần Q1/25
4.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.5 -76.9%
YoY: ▼3.06 -38.2%

LN sau thuế Q1/25
4.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -70.2%
YoY: ▼2.48 -34.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
7.1%
YoY: +/-▼ 5.9%

ROE (TTM) Q1/25
12.7%
YoY: +/-▼ 1.1%

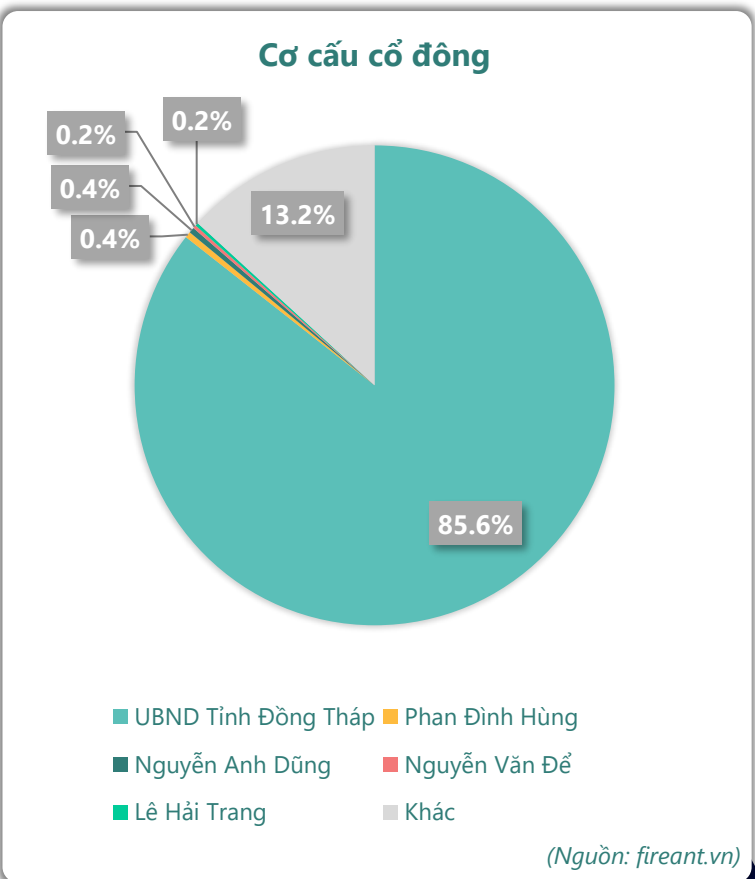
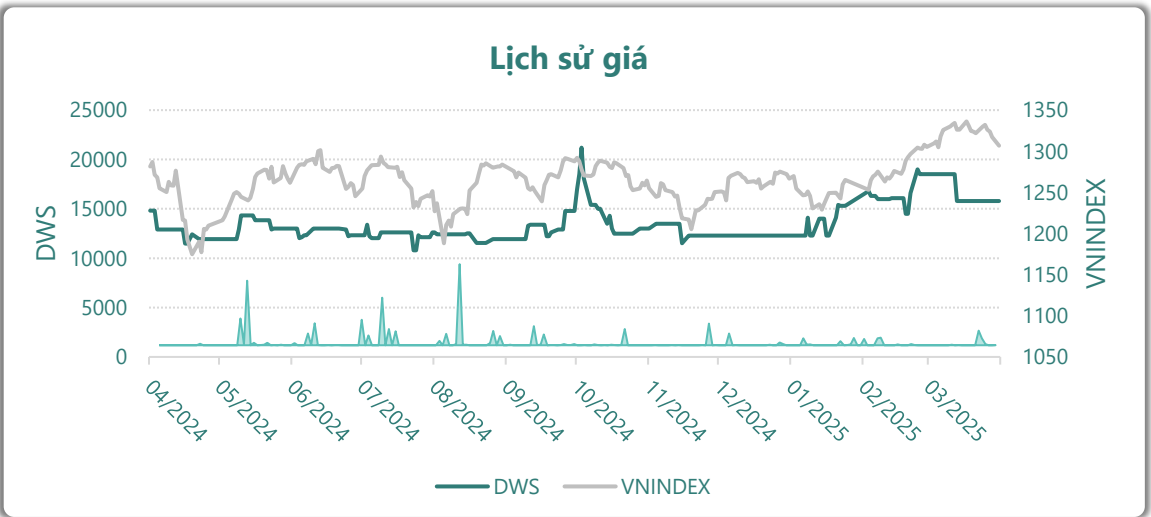
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,798 - 21,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
Số lượng CPLH (CP)	25,918,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.58
EPS	1,812
P/E	8.7



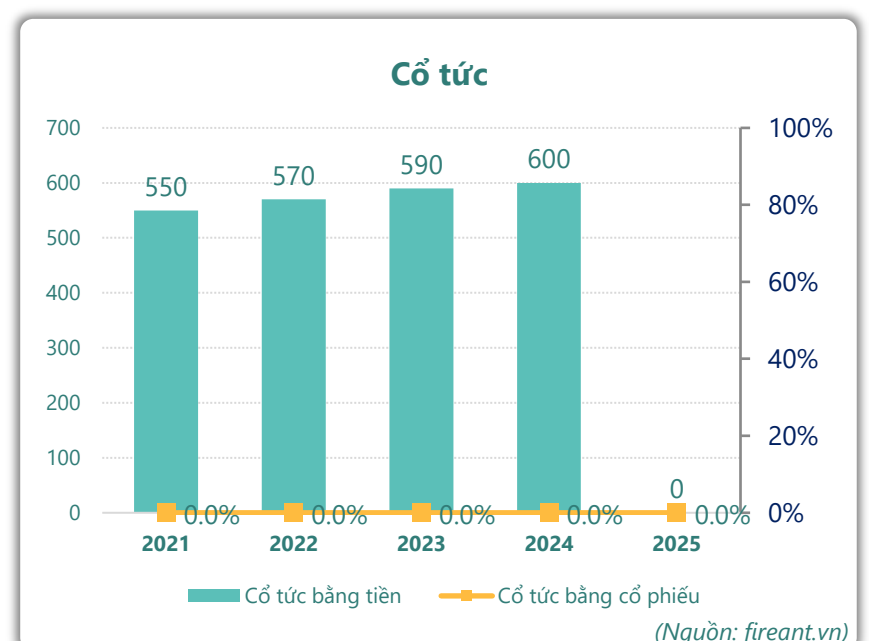
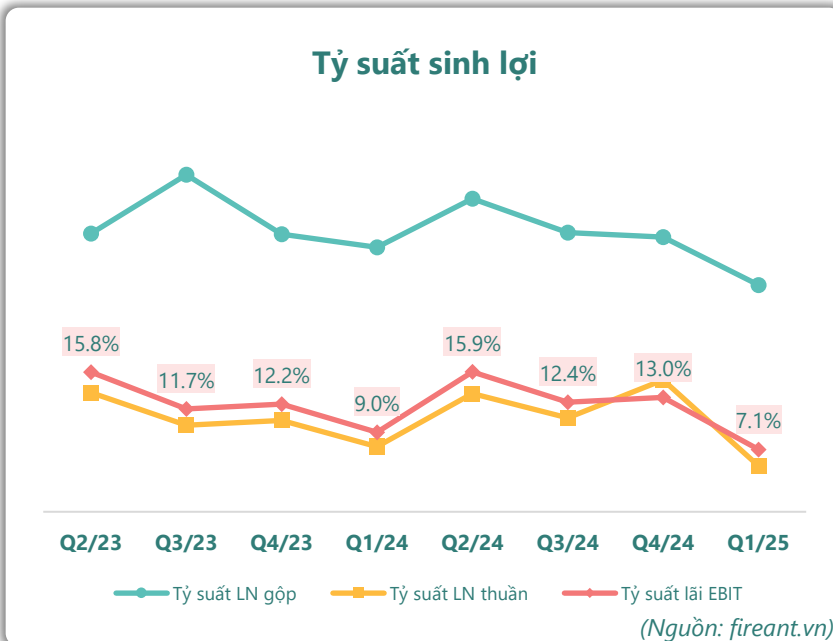
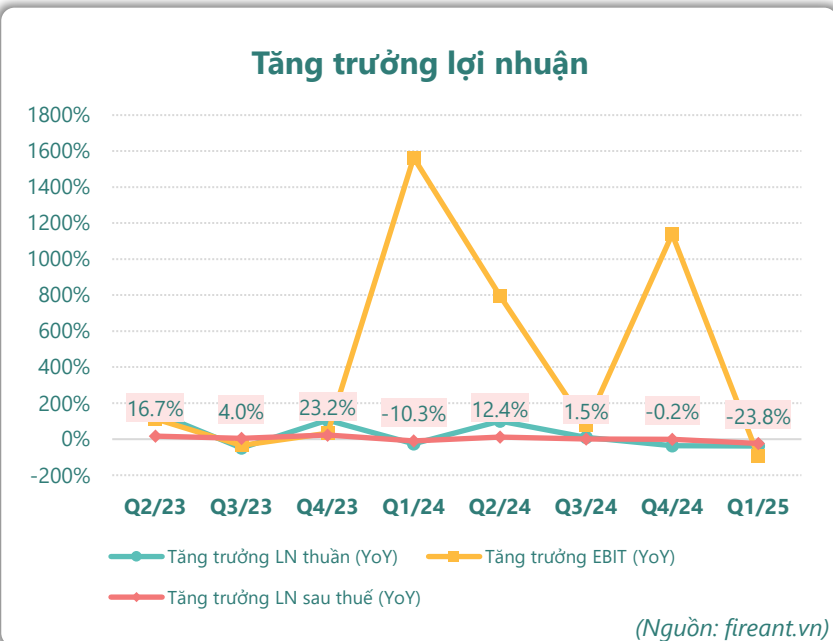
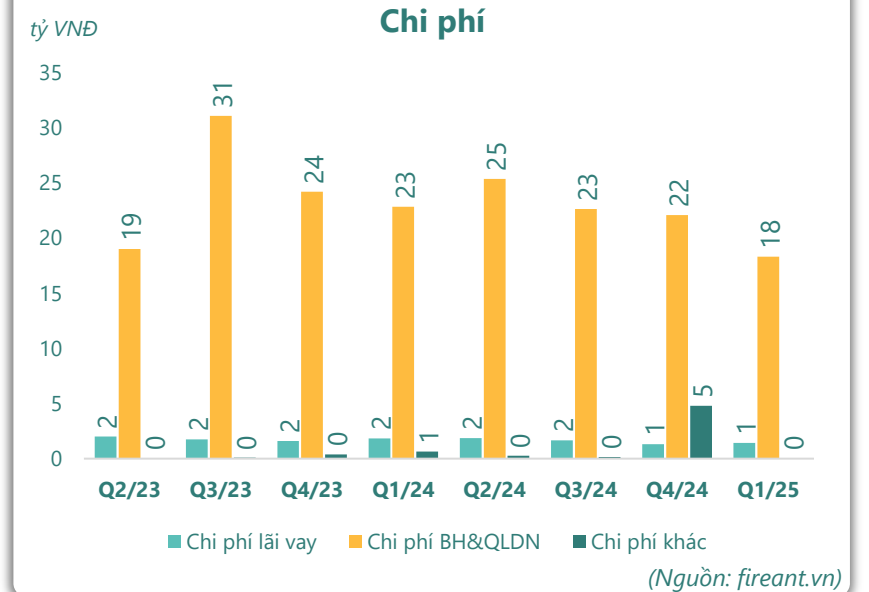
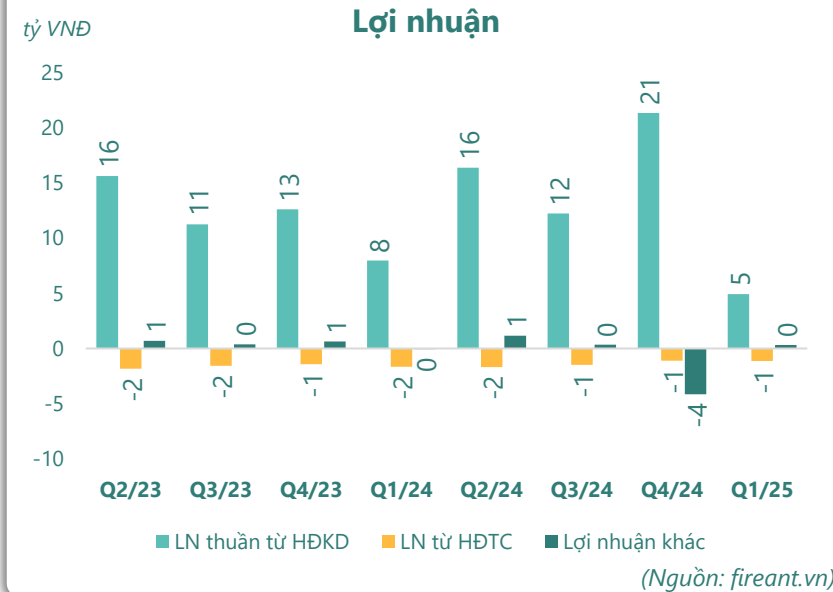
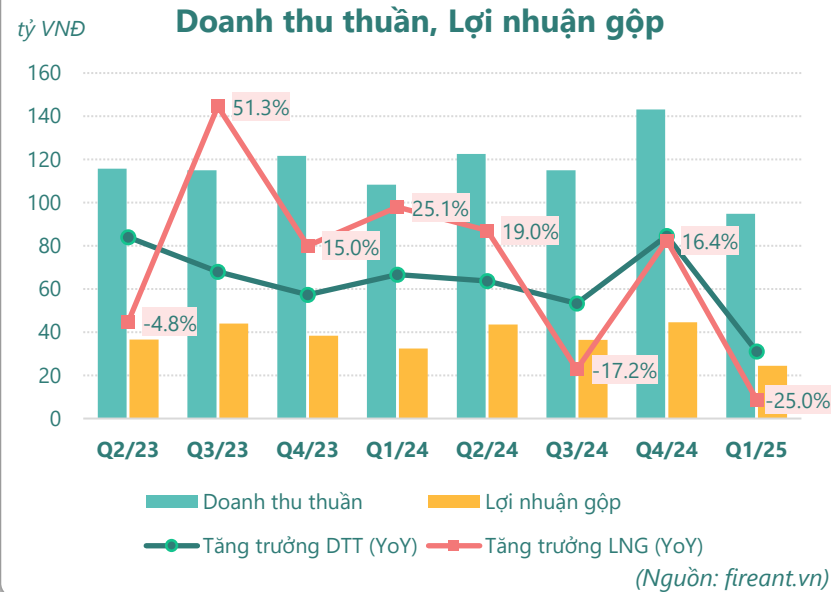
DT thuần 2024
489
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.0 7.9%

LN thuần 2024
57.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 23.6%

LN sau thuế 2024
49.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30 14.7%



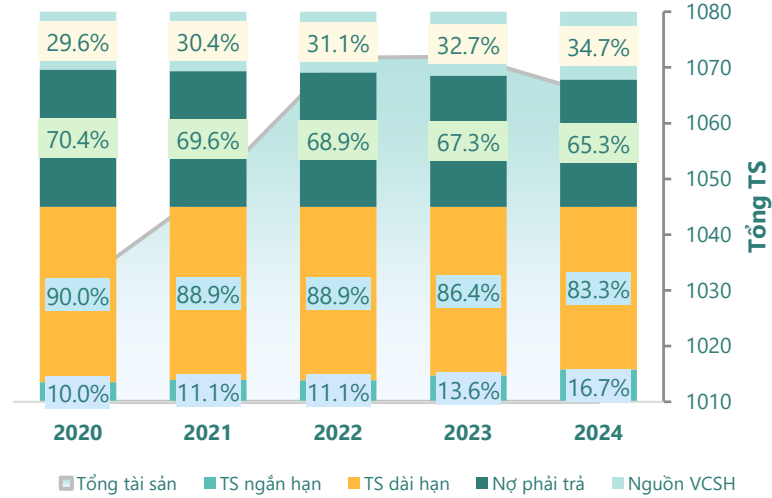
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

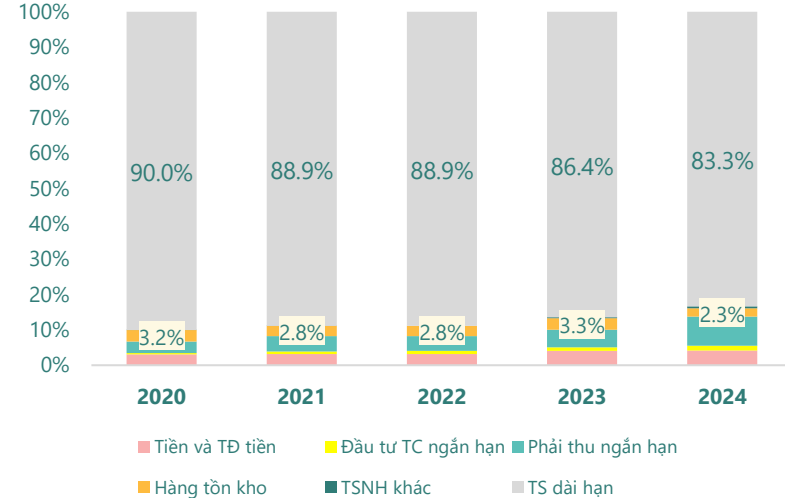
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

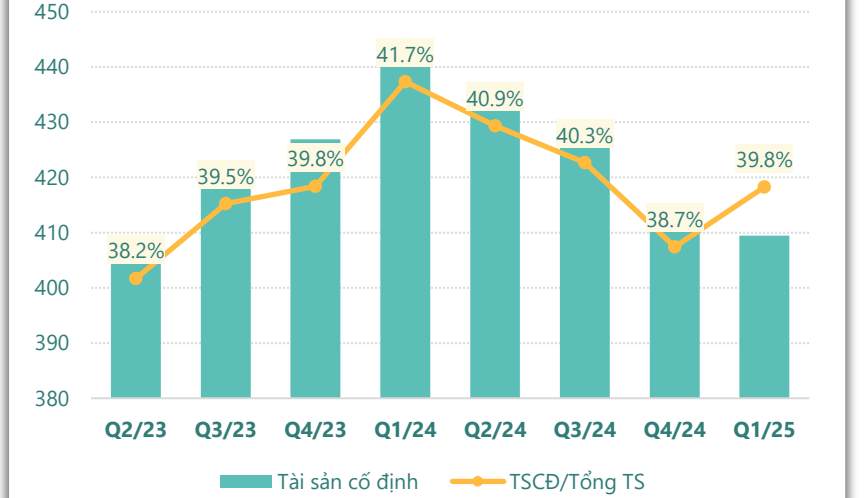
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

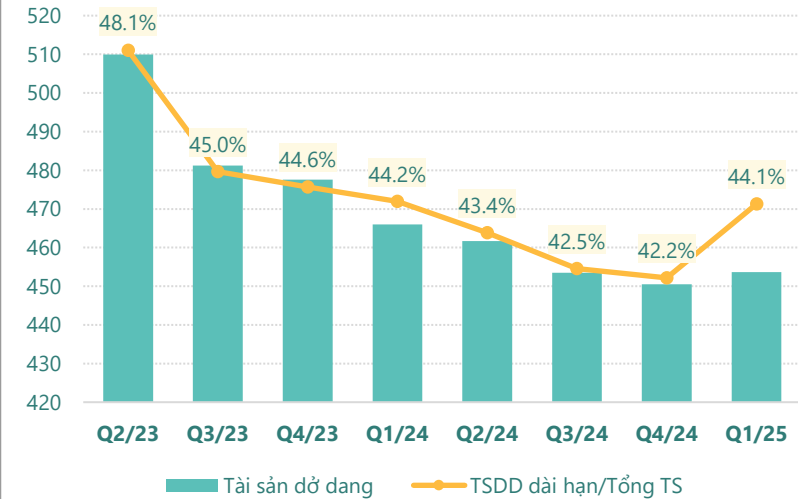
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

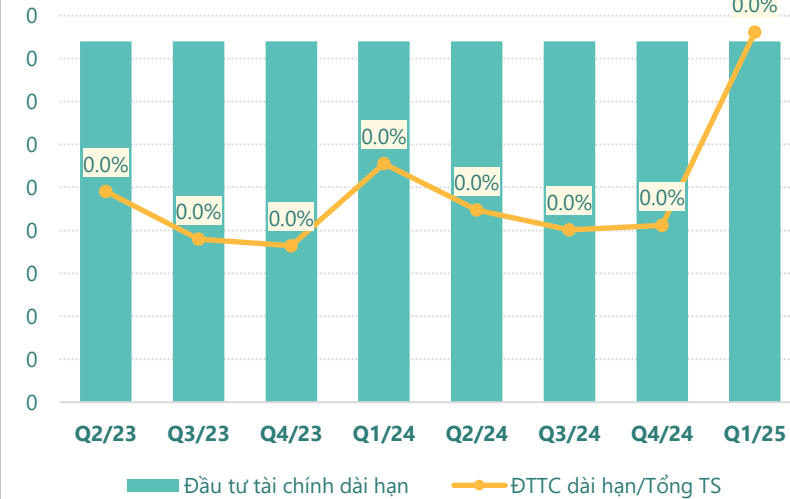
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

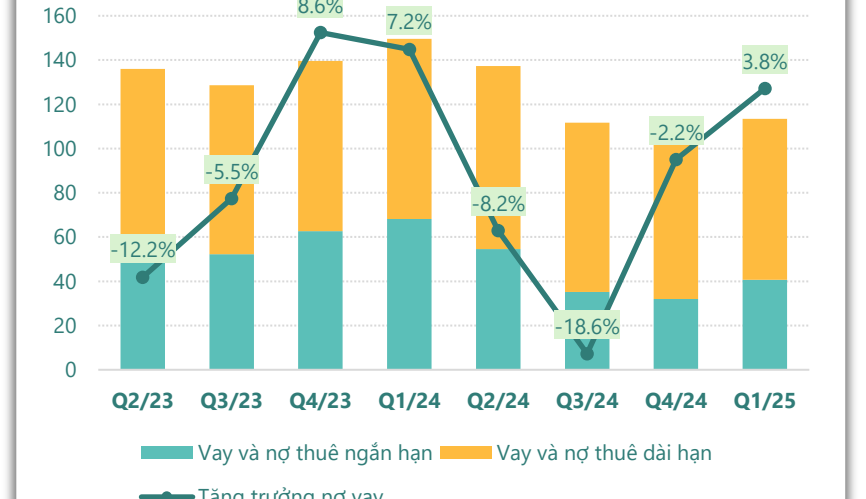
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

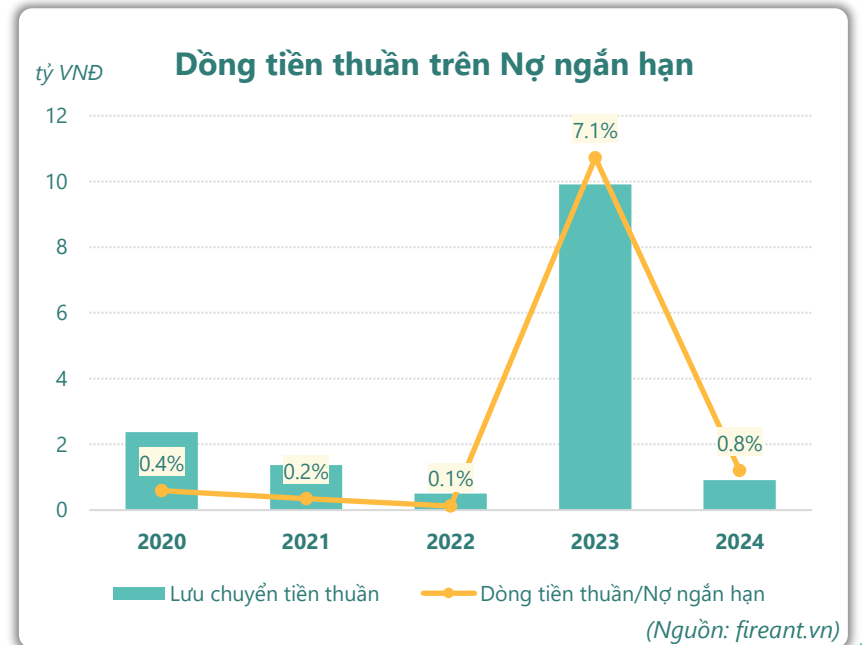
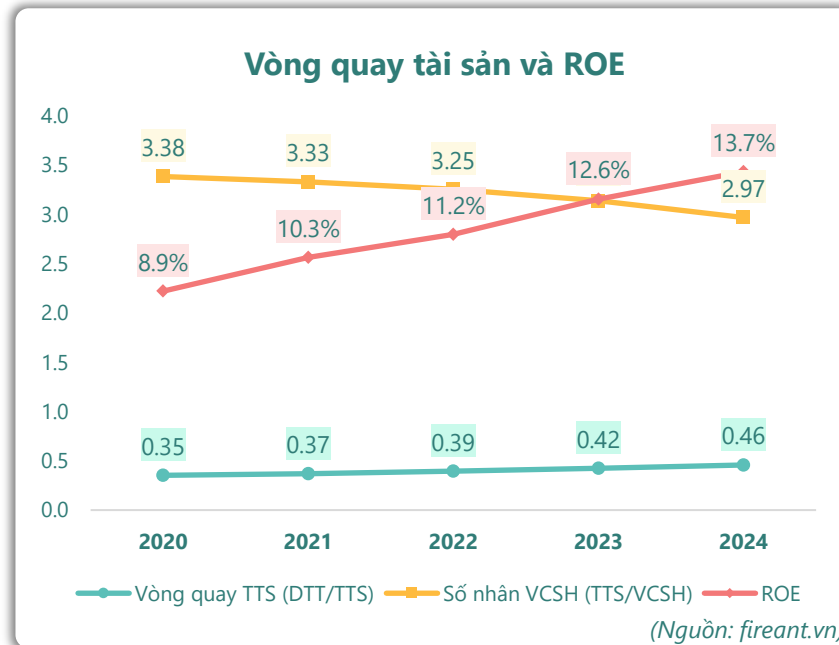
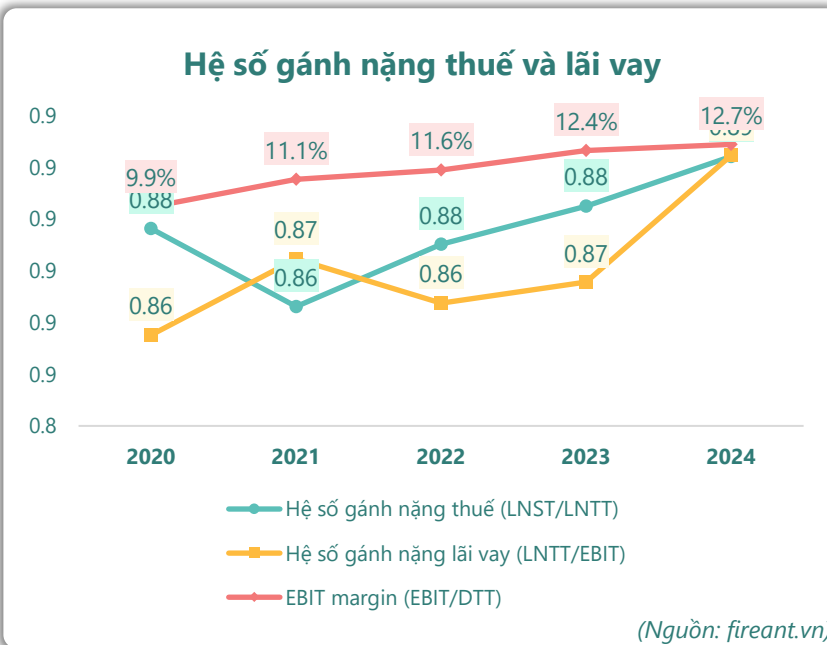
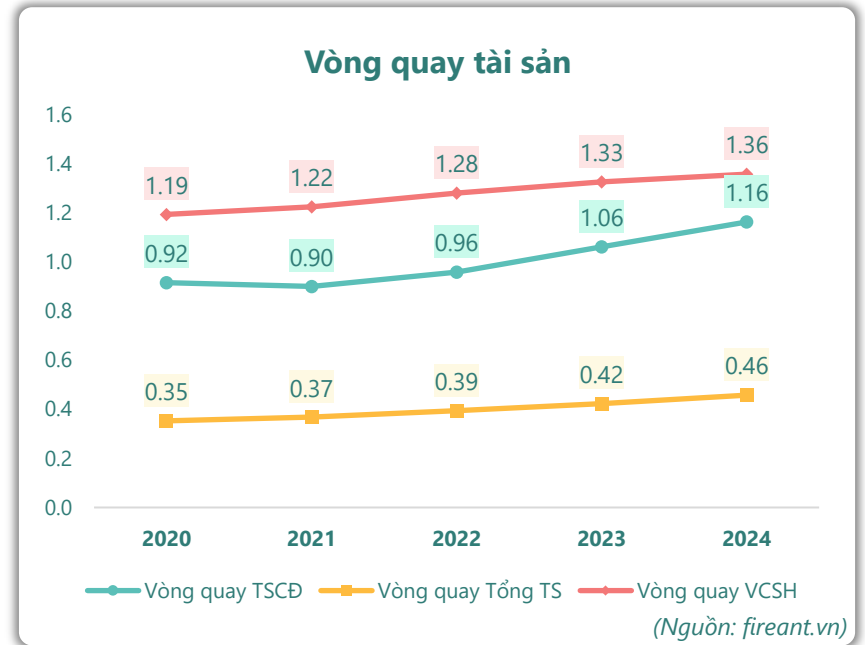
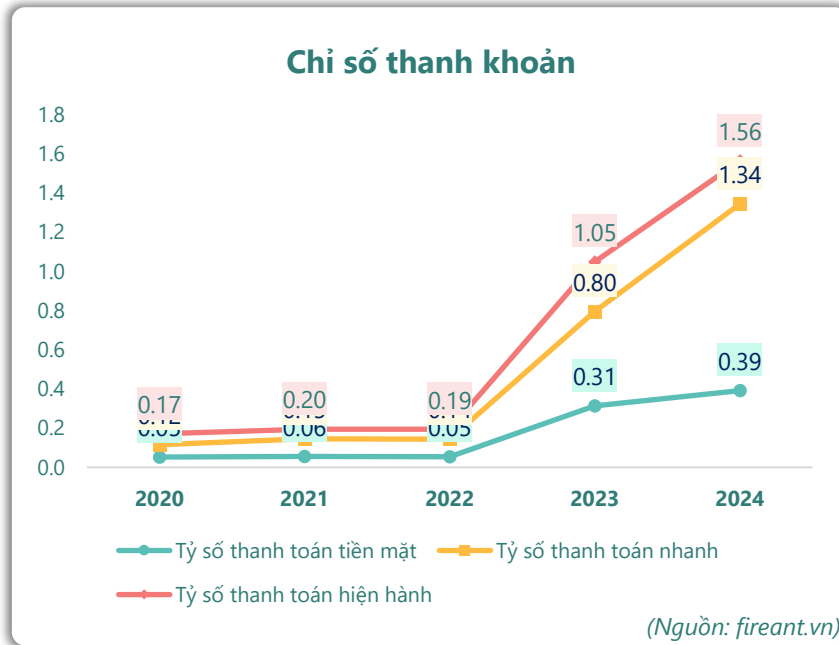
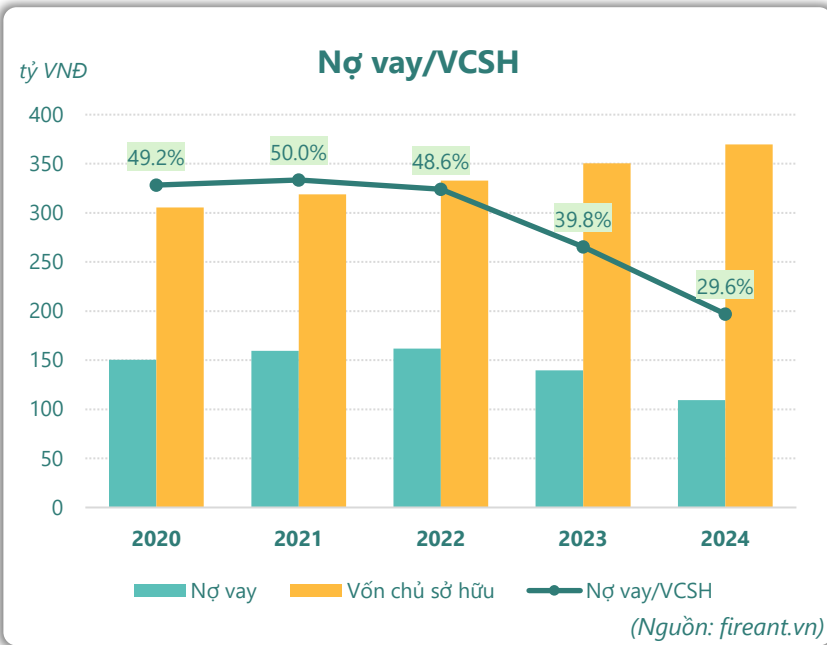
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	94.8	108	-12.2%	489	453	7.9%
Giá vốn hàng bán	70.4	75.8	-7.1%	339	312	8.9%
Lợi nhuận gộp	24.4	32.5	-25.0%	150	142	5.7%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.18	75.4%	0.75	0.66	14.6%
Chi phí TC	1.44	1.85	-22.0%	6.69	7.44	-10.1%
Chi phí lãi vay	1.44	1.85	-22.0%	6.69	7.44	-10.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	10.7	12.2	-11.9%	37.0	38.4	-3.6%
Chi phí QLDN	7.58	10.7	-29.2%	49.3	50.0	-1.4%
LN thuần từ HĐKD	4.93	7.99	-38.2%	57.4	46.4	23.6%
Lợi nhuận khác	0.32	-0.06	637%	-1.99	2.42	-182%
LN trước thuế	5.26	7.92	-33.6%	55.4	48.9	13.4%
Lợi nhuận sau thuế	4.65	7.13	-34.7%	49.4	43.1	14.7%
LNST của CĐ cty mẹ	4.65	7.13	-34.7%	49.4	43.1	14.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.0	12.0	46.6	48.2	-10.6	0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.75	-1.48	-0.40	-0.33	-0.94	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.5	-19.8	-31.7	-27.7	-12.8	-7.96
Tiền đầu kỳ	48.7	43.5	34.2	48.7	68.8	44.4
Lưu chuyển tiền thuần	-5.24	-9.29	14.4	20.2	-24.4	-7.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	43.5	34.2	48.7	68.8	44.5	36.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,028	1,065	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	142	177	-20.1%
Tiền và tương đương tiền	36.7	44.4	-17.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	55.0	87.8	-37.3%
Hàng tồn kho	27.9	24.9	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.01	6.23	28.6%
Tài sản dài hạn	886	888	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	409	414	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	454	450	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản dài hạn khác	23.2	23.5	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	654	695	-6.0%
Nợ ngắn hạn	77.7	113	-31.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.6	32.0	26.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.4	13.8	-3.3%
Nợ dài hạn	576	582	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	72.9	77.3	-5.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	374	370	1.3%
Vốn chủ sở hữu	374	370	1.3%
Vốn điều lệ	259	259	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

